

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2021/HNGĐ-TLST ngày 06/5/2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc T, sinh ngày 22/3/1995.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Số 98B Mạc Đĩnh C, phường Lê Thanh N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay : Nhật Bản (vắng mặt).

Người được anh T ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng : bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1967.

Địa chỉ : Số 98B Mạc Đĩnh C, phường Lê Thanh N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn : Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 25/12/1994.

Địa chỉ : Số 12 (nay là số 17)/150 Nguyễn T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi từ Nhật Bản về Việt Nam - Nguyên đơn anh Vũ Ngọc T trình bày: Anh và chị L tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 03/3/2017. Sau khi

kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019. Nay anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2017. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, ly hôn anh đồng ý để chị L nuôi con, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng. Sau đó, thông qua gia đình anh T có quan điểm do việc làm không ổn định, nên anh chỉ có khả năng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh và chị L không có, ly hôn, không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Theo bản tự khai của bị đơn – chị Nguyễn Thị Mai L trình bày: chị và anh T được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh N ngày 03/3/2017. Sau ngày cưới anh chị sống tại gia đình anh T. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuối năm 2019 anh T đi Nhật Bản lao động. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc. Đến tháng 8/2020 qua mạng xã hội chị được biết anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị đã nói chuyện, động viên và khuyên bảo nhưng anh T phủ nhận. Đến tháng 10/2020 anh T không còn thường xuyên liên lạc với chị, mỗi lần liên lạc vợ chồng thường xảy ra xích mích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung : Chị và anh T có 1 con chung là cháu Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 02/9/2017. Hiện nay cháu N đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con. Ban đầu chị yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ theo thỏa thuận mà anh T đã trình bày trong đơn ly hôn. Tuy nhiên sau đó chị đồng ý với mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh T đang ở Nhật Bản, toàn bộ tài liệu gồm đơn ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền anh T gửi về Việt Nam chưa được hợp pháp hóa lãnh sự. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã ra quyết định trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 01/KLGD-PC09 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Dấu vân tay tại các tài liệu cần giám định với dấu vân tay in trong tờ khai CMND mang tên Vũ Ngọc T là của cùng một người.

Do điều kiện anh Vũ Ngọc T không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn nên anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời ủy quyền cho bà

Nguyễn Thị Ngọc M (mẹ đẻ) giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai, bà M có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của anh T. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, bà M đã thông báo cho anh T biết, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị L và đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con là 5.000.000đ/tháng. Ngoài ra trong trường hợp cháu N bị ốm đau, đi viện thì anh sẽ có trách nhiệm cùng với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh T và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh T được ly hôn chị L. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 02/9/2017 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L 5.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Ngọc T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Các tài liệu do anh T gửi về Việt Nam bao gồm: Đơn ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền đã được Tòa án trung cầu giám định dấu vân tay. Tại kết luận giám định số 01/KLGD-PC09 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Dấu vân tay tại các tài liệu cần giám định với dấu vân tay in trong tờ khai CMND mang tên Vũ Ngọc T là của cùng một người. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định lời khai trong các tài liệu này là ý chí, quan điểm của anh T.

Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị L đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Ngọc T và chị Nguyễn Thị Mai L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh N ngày 03/3/2017, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuối năm 2019 anh T đi Nhật Bản lao động, do xa cách địa lý dẫn đến vợ chồng mất niềm tin, bất đồng quan điểm không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh T, chị L đều xác định tình cảm không còn, anh

T có đơn xin ly hôn, chị L cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

- *Về con chung*: Anh Vũ Ngọc T và chị Nguyễn Thị Mai L có một con chung là Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 02/9/2017. Hiện tại cháu N đang ở với chị L, ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con, anh T đồng ý để chị L nuôi con. Xét thực tế cháu N được chị L chăm sóc từ nhỏ, còn Anh T hiện đang ở nước ngoài. Do vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T, chị L về mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Vũ Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Mai L.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Ngọc Yến N, sinh ngày 02/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Mai L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L là 5.000.000đ/tháng, thời gian tính từ tháng 5/2021 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Vũ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Ngọc M nộp thay theo biên lai thu số

AA/2018/0005747 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T còn phải nộp tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Ngọc T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Mai L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Lê Thanh N;
- UBND phường Nguyễn T;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền